

UBND QUẬN KIẾN AN
TRƯỜNG TIỂU HỌC TRẦN THÀNH NGỌ

DANH GIÁ THEO CHỈ SỐ MỨC ĐỘ CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG SỞ GIÁO DỤC
TẠI TRƯỜNG TIỂU HỌC TRẦN THÀNH NGỌ NĂM HỌC 2022 -2023

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm thành phần	Điểm Tự đánh giá	Mức độ	Mức độ tự đánh giá	Minh chứng	Ghi chú
1.	Chuyển đổi số trong dạy học	100						
1.1	Có kế hoạch dạy học trực tuyến (kết hợp dạy học trực tiếp; ban hành riêng hoặc lồng ghép trong xây dựng kế hoạch hàng năm)			x				Điều kiện bắt buộc
1.2	Có ban hành quy chế tổ chức dạy học trực tuyến			x				Điều kiện bắt buộc
1.3	Triển khai phần mềm dạy học trực tuyến	30	6	6	Mức độ 1: dưới 10 điểm Mức độ 2: Từ 10-20 điểm Mức độ 3: Trên 20 điểm	Mức độ 2 (18 điểm)	đường link	Zoom Cloud Meeting; Trans: Microsoft Teams
	- Có triển khai phần mềm dạy học trực tuyến (ghi tên)							
	Có triển khai hệ thống quản lý học tập trực tuyến (L.MS)/ hệ thống quản lý nội dung học tập trực tuyến (LCMS) (cung cấp thông tin; Tên giải pháp; tự xây dựng/ thuê/ mua).							
	- Hệ thống L.MS/LCMS có triển khai các chức năng:							
	(1) Giáo viên giao bài tập cho HS tự học;		6	6				
1.4	(2) GV trả lời (giải đáp) các câu hỏi của HS;		6	3				
	(3) Tổ chức kiểm tra, đánh giá thường xuyên;		6	- 0				
	(4) PHHS tham gia vào các hoạt động học tập của HS		6	3				
	Số lượng học liệu được số hóa (đã được tổ CM thông qua và được người đứng đầu CSGD phê duyệt)		10	6	Mức độ 1: dưới 4 điểm Mức độ 2: từ 4 -6 điểm Mức độ 3: trên 7 điểm	Mức độ 2	đường link và số lượng học liệu	Có thể bổ sung được



STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm thành phần	Điểm Tự đánh giá	Mức độ	Mức độ tự đánh giá	Minh chứng	Ghi chú
1.5	Có tổ chức triển khai thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập trên phòng máy tính; Có phần mềm, máy tính kết nối mạng Lan (<i>cung cấp thông tin và giải pháp phần mềm</i>)	20	Tối đa 15 điểm	0	Mức độ 1: dưới 8 điểm Mức độ 2: từ 8-14 điểm Mức độ 3: trên 14 điểm	Mức độ 1	Quy chế, kế hoạch văn bản triển khai	<i>Có thể bổ sung được nhưng cần hỗ trợ của bên Trung tâm Tin học</i>
	Phần mềm tổ chức thi trên máy tính có kết nối với hệ thống quản trị nhà trường		Tối đa 5 điểm	0				
1.6	Phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số;	20	<30%, tối đa 2 điểm 30% - 60%, tối đa 4 điểm >60%, tối đa 7 điểm	7	Mức độ 1: dưới 8 điểm Mức độ 2: từ 8-14 điểm Mức độ 3: trên 14 điểm	Mức độ 3		
	-Ti lệ giáo viên có tài khoản sử dụng trên hệ thống bồi dưỡng giáo viên trực tuyến để tự bồi dưỡng qua mạng một cách chủ động, thường xuyên theo nhu cầu		<30%, tối đa 2 điểm 30% - 60%, tối đa 4 điểm >60%, tối đa 7 điểm	7				
	-Ti lệ giáo viên có thẻ khai thác, sử dụng được các phần mềm, công cụ nhằm đổi mới phương pháp dạy học		<30%, tối đa 2 điểm 30% - 60%, tối đa 4 điểm >60%, tối đa 6 điểm	6				
	- Ti lệ giáo viên có thẻ xây dựng được học liệu số, bài giảng điện tử		<30%, tối đa 2 điểm 30% - 60%, tối đa 4 điểm >60%, tối đa 8 điểm	8				
1.7	Hạ tầng, thiết bị sử dụng chuyển đổi số dạy học:	20	<20%, tối đa 2 điểm 20% - 60%, tối đa 5 điểm >60%, tối đa 8 điểm	7	Mức độ 1: dưới 8 điểm Mức độ 2: từ 8-14 điểm Mức độ 3: trên 14 điểm	Mức độ 2		
	- Ti lệ phòng học có thiết bị trình chiếu, thiết bị phụ trợ sử dụng dạy học và kết nối Internet trên tổng số phòng học		Mức độ 1: tối đa 2 điểm Mức độ 2: tối đa 5 điểm Mức độ 3: tối đa 7 điểm	7				
	- Mức độ đáp ứng yêu cầu dạy học môn Tin học		Tối đa: 5 điểm	0				
	- Có phòng Studio (gồm máy tính, thiết bị phụ trợ cho việc xây dựng học liệu số, bài giảng điện tử)							
	Tổng điểm (Chuyển đổi số trong dạy học)	100		59		Mức độ 2- Mức đáp ứng cơ bản (V1>50đ)		

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm thành phần	Điểm Tự đánh giá	Mức độ	Mức độ tự đánh giá	Minh chứng	Ghi chú
2	Chuyển đổi số trong quản trị cơ sở giáo dục	100						
2.1	Cơ giáo dục thành lập Ban chỉ đạo, phụ trách, triển khai ứng dụng CNTT, chuyển đổi số (thông tin, Học và tên, chức vụ, email, điện thoại)			X				Điều kiện bắt buộc
2.2	Có ban hành kế hoạch ứng dụng CNTT, chuyển đổi số			X				Điều kiện bắt buộc
2.3	Có triển khai phần mềm quản trị nhà trường (cung cấp thông tin; tên giải pháp, tự xây dựng/ mua/ thuê);		Tối đa 6 điểm	6				
	- Có ban hành quy chế sử dụng hệ thống quản trị nhà trường		Tối đa 6 điểm	6				
	- Có triển khai phần hệ quản lý học sinh (quản lý hồ sơ, kết quả học tập)		Tối đa 6 điểm	6				
	- Có triển khai sổ điểm điện tử và học bạ điện tử		File PDF: tối đa 3 điểm: Áp dụng chứng số: Tối đa 10 điểm	10	Mức độ 1: dưới 20 điểm Mức độ 2: từ 20-50 điểm	Mức độ 3	Đường link/ quy chế/ Văn bản hướng dẫn https://qlvb.hnpt.vn/ https://truong.haiphong.edu.vn/Logon.aspx?dv=C1 ;	
	- Có triển khai phần hệ quản lý đội ngũ CBVCNV	70	Tối đa 6 điểm	6				
2.4	- Có triển khai phần hệ quản lý CSVC		Tối đa 10 điểm	10				
	- Có triển khai phần hệ quản lý thông tin y tế trường học, quản lý thông tin sức khỏe HS		Tối đa 10 điểm	6				
	- Có triển khai phần hệ quản lý kế toán		Tối đa 6 điểm	6				
	- Phần mềm kết nối và trao đổi đầy đủ với CSDL ngành (do BGD quản lý)		Tối đa 6 điểm	6				
	- Mức độ triển khai dịch vụ trực tuyến							
2.4	- Có triển khai dịch ứng dụng kết nối gia đình và nhà trường (thông tin; qua OTT (Over The Top) hoặc qua ứng dụng Web).	30	Tối đa 8 điểm	6	Mức độ 1: dưới 10 điểm Mức độ 2: từ 10-18 điểm	Mức độ 3	Đường link/ quy chế/ Văn bản	
	- Có triển khai dịch vụ tuyển sinh đầu cấp trực tuyến:		Tối đa 12 điểm	12				
	- Có triển khai dịch vụ thu phí giáo dục theo hình thức không dùng tiền mặt		Tối đa 10 điểm	10	Mức độ 3: trên 18 điểm			

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm thành phần	Điểm Tự đánh giá	Mức độ	Mức độ tự đánh giá	Minh chứng	Ghi chú
	Tổng điểm (Chuyển đổi số trong quản trị cơ sở giáo dục)	100		84		Mức độ 3- Đáp ứng Tốt (Vi > 75đ)		

P. Trần Thanh Ngộ, ngày 11 tháng 10 năm 2023.



Phạm Thị Hải An